Quỹ ETF IPAAM VN100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 2026324 /TB-FUEIP100

Hà Nội 24/03/2026
/As at 24-Mar-26

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER

Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Phường Hai Bà Trưng, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ IPA PARTNER, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102703178
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.24 17:23:41+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF

BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company:*

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư IPA Partner

/ IPA Partner Investment Fund Management Limited Company

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank
3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**
4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100
5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **25/03/2026**
7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	*Quantity*	*Weight*
I.	**Chứng khoán/Stock**	**1,201,995,000**	**96.44%**
1	ACB	2,100	3.89%
2	BID	100	0.31%
3	BSR	200	0.42%
4	BVH	100	0.64%
5	CII	300	0.40%
6	CMG	100	0.23%
7	CTG	600	1.62%
8	DBC	100	0.18%
9	DCM	100	0.36%
10	DGC	100	0.42%
11	DGW	100	0.34%
12	DIG	300	0.32%
13	DPM	200	0.46%
14	DXG	400	0.44%
15	EIB	700	1.24%
16	EVF	400	0.43%
17	FPT	700	4.23%
18	FRT	100	1.27%
19	GAS	100	0.65%
20	GEX	300	0.81%
21	GMD	200	1.19%

22	GVR	100	0.23%
23	HAG	300	0.37%
24	HCM	300	0.48%
25	HDB	1,900	3.70%
26	HDG	100	0.24%
27	HHV	200	0.19%
28	HPG	2,100	4.37%
29	HSG	200	0.23%
30	KBC	300	0.67%
31	KDH	400	0.80%
32	LPB	1,400	4.71%
33	MBB	2,000	4.11%
34	MSB	1,100	0.99%
35	MSN	400	2.31%
36	MWG	500	3.05%
37	NAB	700	0.70%
38	NKG	200	0.21%
39	NLG	200	0.45%
40	NVL	600	0.64%
41	OCB	400	0.35%
42	PC1	100	0.21%
43	PDR	300	0.36%
44	PLX	100	0.32%
45	PNJ	100	0.87%
46	POW	400	0.41%
47	PVD	100	0.27%
48	PVT	100	0.17%
49	REE	100	0.53%
50	SAB	100	0.36%
51	SHB	1,700	1.97%
52	SSB	700	0.94%
53	SSI	800	1.66%
54	STB	900	4.39%
55	TCB	1,900	4.55%
56	TCH	300	0.38%
57	TPB	700	0.89%
58	VCB	400	1.87%
59	VCG	200	0.33%
60	VCI	300	0.82%
61	VHM	600	4.77%
62	VIB	1,100	1.47%
63	VIC	900	8.95%
64	VIX	700	0.88%

65	VJC	100	1.23%
66	VND	600	0.72%
67	VNM	400	1.96%
68	VPB	2,300	4.66%
69	VPL	100	0.64%
70	VRE	400	0.81%
71	VSC	200	0.38%
II.	**Tiền/Cash (VND)**	**44,428,858**	**3.56%**
III.	**Tổng/Total**	**1,246,423,858**	**100.00%**

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/*Value of component securities basket*: (VND) 1,201,995,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per ETF creation unit*: (VND) 1,246,423,858

Giá trị chênh lệch/*Cash component*: (VND) 44,428,858

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	*Securities code*	*Substitution cash per share VND*	Applied to	Reason
1	ACB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	39,100	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	75,400	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	73,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	25,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	76,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	108,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	29,850	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	15,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	25,250	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	15,050	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Đại diện tổ chức/*Organization Representative*

Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Persons Authorized to Disclose Information*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / *(Signature, full name and seal - if any)*

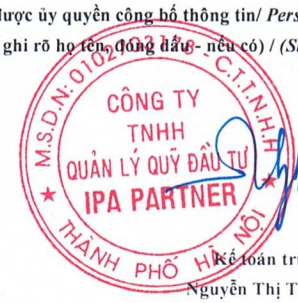

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Lan